

Số: 792/KH-STC

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện việc kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 08/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc triển khai thực hiện việc kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập,

Sở Tài chính xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện việc kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập, như sau:

#### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;
- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Thực hiện kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của công chức nhằm phục vụ công tác cán bộ và phòng, chống tham nhũng.
- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện nghiêm việc kê khai và công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập của công chức theo quy định hiện hành. Công chức phải thực hiện công khai, minh bạch việc tài sản, thu nhập và chịu trách nhiệm đối với Bản kê khai theo quy định của pháp luật.

#### III. NỘI DUNG

##### 1. Tổ chức việc kê khai; tiếp nhận và quản lý Bản kê khai

- Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (*kèm Danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập (lần đầu)*)
- Hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu (**chậm nhất từ ngày 15/3/2021**).
- Tiếp nhận Bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai (**từ ngày 15/3/2021 đến 19/3/2021**).
- Bàn giao Bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền **chậm nhất ngày 31/3/2021**, cụ thể:
  - + Bàn giao cho Thanh tra Chính phủ: Bản kê khai của người giữ chức vụ từ Giám đốc Sở và tương đương trở lên.

+ Bàn giao cho Thanh tra tỉnh: Các Bản kê khai còn lại của người có nghĩa vụ kê khai thuộc quyền quản lý của cơ quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 37 và khoản 3 Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm lập Bản kê khai (02 bản) theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ để bàn giao cho cơ quan (01 bản bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; 01 bản để phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan và hoạt động công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập) theo quy định tại Điều 10 và Mục I, Phần B, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

## **2. Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập**

- Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai được công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể công chức đơn vị người đó công tác. Cuộc họp phải có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập. Người chủ trì cuộc họp phân công người đọc các Bản kê khai. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc, giải trình về nội dung Bản kê khai; có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn đơn vị.

- Bản kê khai được công khai chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày bàn giao cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

## **3. Thời gian thực hiện**

- Việc kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu phải hoàn thành **trước ngày 31/3/2021**.

- Báo cáo kết quả triển khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập về Thanh tra tỉnh **trước ngày 15/4/2021** (theo mẫu ban hành kèm theo Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ).

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

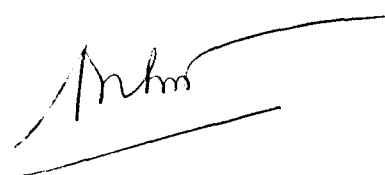
1. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng nghiệp vụ thuộc Sở có trách nhiệm phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai lập Bản kê khai theo đúng mẫu, gửi về Văn phòng (đồng chí Trần Thị Mỹ Trang) theo đúng thời gian quy định.

2. Giao Văn phòng phối hợp với Thanh tra và các phòng chuyên môn thuộc Sở triển khai thực hiện Kế hoạch này. *././*

### **Nơi nhận:**

- Thanh tra tỉnh (đề b/c);
- Ban Giám đốc;
- Chánh VP, Chánh TT, Trưởng các phòng NV thuộc Sở;
- Lưu: VP *././*

**GIÁM ĐỐC**



**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP  
(Lần đầu)**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh/Đơn vị</b>
1	Dương Thị Kim Thúy	Giám đốc
2	Trần Quốc Sờ	Phó Giám đốc
3	Phan Vĩnh Tùng	Phó Giám đốc
4	Huỳnh Ngọc Toàn	Trưởng phòng QLNS và TCHCSN
5	Đặng Cao Phẩm	Phó Trưởng phòng QLNS và TCHCSN
6	Quách Huỳnh Đoan Nghi	Phó Trưởng phòng QLNS và TCHCSN
7	Đặng Hồng Đoan	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
8	Trần Văn Diệu	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
9	Ngô Văn Lập	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
10	Lâm Bửu Nghi	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
11	Nguyễn Thị Đoan	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
12	Nguyễn Thị Kim Ngân	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
13	Nguyễn Thị Gấm	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
14	Dương Văn Lý	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
15	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Chuyên viên phòng QLNS và TCHCSN
16	Dương Quang Khánh	Phó Chánh Thanh tra
17	Danh Phước	Phó Chánh Thanh tra
18	Nguyễn Hùng Anh	Thanh tra viên
19	Diệp Kim Dũ	Thanh tra viên
20	Nguyễn Minh Quân	Trưởng phòng QL. Giá và Công sản
21	Trần Công Hiền	Phó Trưởng phòng QL. Giá và Công sản
22	Nguyễn Thanh Sang	Chuyên viên phòng QL. Giá và Công sản
23	Dương Minh Quý	Chuyên viên phòng QL. Giá và Công sản
24	Bùi Phi Long	Chuyên viên phòng QL. Giá và Công sản
25	Trương Tài Minh	Trưởng phòng Tài chính DN
26	Trần Hồng Sơn	Phó Trưởng phòng Tài chính DN
27	Liễu Thu Trúc	Chuyên viên phòng Tài chính DN
28	Tăng Bá Thiện	Trưởng phòng Tài chính đầu tư

29	Tô Văn Nam	Phó Trưởng phòng Tài chính đầu tư
30	Lư Ngọc Thi	Phó Trưởng phòng Tài chính đầu tư
31	Lăng Minh Hải	Chuyên viên phòng Tài chính đầu tư
32	Nguyễn Hoàng Trù	Chuyên viên phòng Tài chính đầu tư
33	Trang Ngọc Châu	Chuyên viên phòng Tài chính đầu tư
34	Châu Minh Cảnh	Chuyên viên phòng Tài chính đầu tư
35	Sơn Thị Thu Trang	Chuyên viên phòng Tài chính đầu tư
36	Trần Thị Mỹ Trang	Chánh Văn phòng
37	Phạm Thị Tú Phương	Phó Chánh Văn phòng
38	Nguyễn Công Đức	Nhân viên Văn phòng
39	Nguyễn Thị Anh Trang	Chuyên viên Văn phòng
40	Trần Hoàng Nam	Chuyên viên Văn phòng
41	Nguyễn Thị Tơ	Chuyên viên Văn phòng
42	Phạm Thu Nguyệt	Chuyên viên Văn phòng